TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Ông Nguyễn Công Biên

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ K, phường N, quận K, thành phố H; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ; địa chỉ: Tổ K, phường N, quận K, thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2023 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ kết hôn ngày 30/9/1999, tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị H và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong mọi mặt của cuộc sống, không thông cảm chia sẻ với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị H đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho chị H được ly hôn anh Vũ Văn Đ. Về con chung:

Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ có 02 con chung là Vũ Phương N, sinh ngày 23/12/2000 và Vũ Thị Y, sinh ngày 30/5/2004. Cả 2 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vũ Văn Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Đ, không tiến hành hòa giải được và anh Đ cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại bản trình bày của cháu Vũ Phương N và Vũ Thị Y là con chung của chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ thể hiện: Trong quá trình chung sống, bố mẹ cháu không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi nhau và xảy ra xô sát dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, mệt mỏi và ảnh hưởng đến cuộc sống của cả nhà. Mâu thuẫn giữa bố mẹ cháu đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả gì, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bố mẹ cháu đã không chung sống với nhau nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai nữa; chúng cháu không có ý kiến gì về việc bố mẹ cháu ly hôn, tùy bố mẹ cháu quyết định. Hiện nay chúng cháu đã đến tuổi trưởng thành, đã tự lập được cuộc sống nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng khi bố mẹ cháu ly hôn. Chúng cháu không nắm được bố mẹ có tài sản chung gì, chúng cháu không đóng góp, không liên quan gì đến khối tài sản chung của bố mẹ cháu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/7/2023, Chính quyền địa phương cung cấp: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ có kết hôn ngày 30/9/1999, tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố H. Chị H và anh Đ chung sống tại nhà số M đường C, tổ K, phường N, quận K, thành phố H. Trong quá trình chung sống do chị H và anh Đ sống kép kín nên địa phương không nắm được anh Đ và chị H có mâu thuẫn gì, chỉ biết hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau. Anh Đ và chị H có 02 con chung là Vũ Thị Y, sinh ngày 30/5/2004 và Vũ Phương N, sinh ngày 13/02/2000. Địa phương không nắm được hiện nay anh Đ và chị H có tài sản chung gì. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1970, hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại tổ K, phường N, quận K, thành phố H.

Trước khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều do các đương sự cung cấp; Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; vụ án không thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện Kiểm sát nhân dân quận K không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 05 tháng 5 năm 2023, chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Đ; anh Vũ Văn Đ là bị đơn, trú tại phường N,

quận K, thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 220, Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho nguyên đơn là chị Phạm Thị H và bị đơn là anh Vũ Văn Đ. Tại phiên tòa mở lần thứ 2 chị Phạm Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vũ Văn Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 30 tháng 9 năm 1999. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ và tiến hành hòa giải giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Đ. Chứng tỏ hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ, tình cảm giữa chị H và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ có 02 con chung là Vũ Phương N, sinh ngày 23/12/2000 và Vũ Thị Y, sinh ngày 30/5/2004. Hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng con khi chị H và anh Đ ly hôn.

[6] Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Chị Phạm Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ.

- Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ có 02 con chung là Vũ Phương N, sinh ngày 23/12/2000 và Vũ Thị Y, sinh ngày 30/5/2004. Cả hai con chung của chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn Đ đều đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng khi chị H và anh Đ ly hôn.

- Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Phạm Thị H, anh Vũ Văn Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị H đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003786, ngày 08/5/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Phạm Thị H, anh Vũ Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận K, thành phố H;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường N, quận K, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Hương